TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2020/DS-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Năm**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Việt Xô** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thảo Nguyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 419/20202/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trương Thị N**, sinh năm 1969 (Có mặt). Trú tại: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969 (Có mặt). Trú tại: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà **Trương Thị N** trình bày*: Vào ngày 16/6/2013 âm lịch, bà có mở dây hụi 3.000.000 đồng, gồm 48 người tham gia. Quy định mỗi tháng khui 01 lần. Bà Nguyễn Thị L có tham gia 01 chưng. Tính đến ngày 16/3/2016 âm lịch, tức hụi khui thứ 33 thì bà L bỏ thăm cao nên hốt được số tiền 118.000.000 đồng, bà L còn phải đóng hụi chết 15 lần số tiền 45.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 16/4/2017 âm lịch. Do, bà L chưa đóng hụi chết 15 lần, nên bà khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền hụi 45.000.000 đồng.

*Bị đơn bà **Nguyễn Thị L** trình bày*: Ngày 16/6/2013 âm lịch, bà N làm chủ của hụi dây hụi 3.000.000 đồng, gồm 48 người tham gia. Bà có tham gia 01 chưng hụi

trong dây hụi này, góp được 23 lần, đến ngày 16/3/2016 âm lịch, bà đã hốt chưng hụi này. Bà còn phải đóng hụi chết cho bà N 15 lần số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 16/01/2016 âm lịch, bà N vay của bà số tiền 58.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 2.900.000 đồng và thỏa thuận lấy lãi để hàng tháng đóng hụi chết lại đến ngày 16/4/2017 âm lịch mãn hụi. Đến ngày 16/5/2017 âm lịch, bà N tiếp tục đóng lãi nhưng bà N không đóng và dẫn đến tranh chấp. Bà có khởi kiện bà N và được TAND huyện Trần Văn Thời xét xử vào ngày 29/11/2019. Đối với phần lãi, tại phiên tòa, bà đã có trừ đi chưng hụi này rồi và phần tiền lãi còn lại bà cho bà N xin bà xin rút lại. Nên, TAND huyện Trần Văn Thời đình chỉ về lãi suất. Bà N cho rằng bà thiếu tiền hụi là không có cơ sở, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N.

Trong phần tranh luận, Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả tiền hụi số tiền 45.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 31 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường. Do, nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời; Nên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do, trước đây giữa bà N, bà L có xảy ra tranh chấp tiền vay, được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử tại Bản án dân sự số: 166/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019, buộc bà N trả cho bà L tiền vay 58.000.000 đồng. Phía, bà N thống nhất, không có kháng cáo, hiện bản án trên đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Bà N xác định, do buộc bà trả cho bà L tiền vay 58.000.000 đồng, nên bà khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền nợ hụi 45.000.000 đồng mà bà L còn thiếu trước đó đối với dây hụi 3.000.000 đồng mở vào ngày 16/6/2013 âm lịch. Bà L, không đồng ý nội dung khởi kiện của bà N, bà L xác định khoản tiền nợ hụi 45.000.000 đồng, đã được đôi bên đối trừ vào khoản tiền lãi của khoản tiền vay 58.000.000 đồng, bà không còn thiếu khoản tiền hụi nào như bà N khởi kiện. Xét, trước đây bà L có tham gia 01

chưng hụi do bà N làm chủ đối với dây hụi 3.000.000 đồng mở vào ngày 16/6/2013 âm lịch, dây hụi này đã mãn vào ngày 16/4/2017 âm lịch, là thực tế. Tại, danh sách dây hụi ngày 16/6/2013 âm lịch mà bà N (là chủ hụi) cung cấp, cho thấy bà N đã đánh dấu "X" vào từng hụi viên, trong đó có bà L. Bà N xác định, việc đánh dấu "X" vào từng hụi viên, trong đó có bà L, thể hiện các hụi viên đã hốt hụi và đã đóng xong tiền hụi chết, tức bà L cũng đã đóng xong phần hụi chết 45.000.000 đồng, dây hụi này mãn vào ngày 16/4/2017 âm lịch. Trước đó, vào ngày 16/01/2016, khi bà L hốt chưng hụi trên, thì giữa bà L và bà N có lập "Tờ hụi tháng 3.000.000 đồng", bà L hốt chưng hụi trên số tiền 120.000.000 đồng, bà L cho bà N vay lại số tiền 58.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.900.000 đồng/tháng, lấy khoản lãi này để trừ vào khoản tiền hụi 45.000.000 đồng mà bà L thiếu bà N. Tuy nhiên, tại phiên tòa trước đây giải quyết tranh chấp tiền vay vào ngày 29 tháng 11 năm 2019, bà N không thừa nhận có vay tiền bà L. Nhưng, khi Bản án dân sự số: 166/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019, xét xử buộc bà N trả cho bà L tiền vay 58.000.000 đồng, thì bà N thống nhất, không có kháng cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bà N xác định do đôi bên có thỏa thuận lãi 2.900.000 đồng/tháng đối với khoản tiền 58.000.000 đồng, nhưng do lãi cao nên bà gạch bỏ phần lãi, còn phần tiền 58.000.000 đồng thỏa thuận để đối trừ khoản tiền hụi 45.000.000 đồng của bà L nhưng bà N không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Như vậy, có cơ sở xác định giữa đôi bên đã có thỏa thuận khoản tiền lãi 2.900.000 đồng/tháng đối với số tiền 58.000.000 đồng, để đối trừ khoản tiền nợ hụi của bà L 45.000.000 đồng thiếu bà N trước đó. Từ đó, bà N mới gạch bỏ khoản tiền lãi 2.900.000 đồng tại "Tờ hụi tháng 3.000.000 đồng" ngày 16/01/2016 và đánh dấu "X" vào danh sách dây hụi ngày 16/6/2013 âm lịch, thể hiện bà L đã đóng xong khoản tiền hụi chết 45.000.000 đồng của bà L. Nay, bà N tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền hụi số tiền 45.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Trương Thị N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 2.250.000 đồng (45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng), được đối trừ với số tiền 1.125.000 đồng bà N đã dự nộp theo biên lai thu số 0003669 ngày 13/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, bà N còn phải nộp tiếp số tiền 1.125.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Điều 471; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 31 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Điều 3; Điều 6; điểm b

khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả tiền hụi số tiền 45.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Trương Thị N phải nộp án phí số tiền 2.250.000 đồng, được đối trừ với số tiền 1.125.000 đồng bà N đã dự nộp theo biên lai thu số 0003669 ngày 13/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, bà N còn phải nộp tiếp số tiền 1.125.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Thị N và bị đơn bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang